

Bản án số: 292/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-11-2023

V/v ly hôn giữa bà H và ông N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Sơn;

Bà Trần Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ thường trú: Xóm S, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên lạc: Tổ A, khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2023, bản tự khai ngày 11/10/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành N đăng ký kết hôn ngày 09/02/1979 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2000 do kinh tế khó khăn nên vợ chồng vào M làm ăn kinh tế và đã nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi vã, sau đó ông N1 đã bỏ về quê ở một mình, mẹ con bà vẫn ở lại M làm ăn. Gia đình đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần

nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Nay bà xét thấy hôn nhân không có hạnh phúc, không thể kéo dài thêm nữa nên xin được giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là chị Nguyễn Thị N2, sinh ngày 10/10/1979; chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/4/1989 và chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/5/1993. Do các con đều đã thành niên, tự lập được nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết về con khi ly hôn.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2023, bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về việc kết hôn. Ngoài ra ông N còn trình bày, sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại xã T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Đến năm 1990 mua đất làm nhà tại xóm S, xã H, huyện H ở. Đến năm 2000 cả nhà chuyển vào huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu làm ăn kinh tế. Năm 2003 ông về quê ở xóm S, xã H, huyện H ở, còn bà H và hai con nhỏ vẫn ở trong M, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, chỉ khi có công việc gia đình bà H mới về quê vài ngày rồi lại đi. Ông công nhận trong cuộc sống chung vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mỗi người mỗi ý, thi thoảng xảy ra cãi vã chứ không đánh chửi nhau và mâu thuẫn không lớn. Ông không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến các con nhưng nếu bà H vẫn nhất định muốn ly hôn thì do Toà án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Ông thống nhất với bà H, vợ chồng có ba con chung, do các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ trả nợ: Ông nhất trí với bà H, để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, xử cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thành N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thành N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/02/1979 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Nam Ninh cũ (nay là tỉnh Nam Định) nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã H, huyện H đến năm 2000 thì chuyển vào M làm ăn kinh tế. Trong quá trình chung sống do vợ chồng có quan điểm khác nhau, bất đồng về làm ăn kinh tế gia đình nên đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã trầm trọng, kéo dài từ nhiều năm nay, mặc dù ông N không nhất trí ly hôn vì lý do theo Đ nhưng vợ chồng cũng không có giải pháp để đoàn tụ; đến nay bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn do đó nếu có tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân là hạnh phúc gia đình cũng không đạt được. Vì vậy cần giải quyết cho bà H và ông N được ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà H và ông N thống nhất vợ chồng có 03 con chung là chị Nguyễn Thị N2, sinh ngày 10/10/1979; chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/4/1989 và chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/5/1993. Do các con đều đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được, bà H và ông N đều không yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên không xem xét.

[3] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên bà H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thành N.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H do là người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên